

[Bài 2.26 trang 42 Toán lớp 6 Tập 1 \(Kết nối tri thức\)](#)

Chủ đề: [\[Giải toán 6 sách kết nối tri thức với cuộc sống\]](#) - Luyện tập chung trang 43.

Dưới đây Đọc tài liệu xin gợi ý trả lời Bài 2.26 trang 43 SGK Toán lớp 6 Tập 1 sách Kết nối tri thức với cuộc sống theo chuẩn chương trình mới của Bộ GD&ĐT:

Giải Bài 2.26 trang 43 Toán lớp 6 Tập 1 Kết nối tri thức

Câu hỏi: Hãy phân tích các số A, B ra thừa số nguyên tố:

$$A = 4^2 \cdot 6^3$$

$$B = 9^2 \cdot 15^2$$

Hướng dẫn:

Đối với $A = 4^2 \cdot 6^3$ ta thấy ước của 4 là 2, ước của 6 là 2 và 3

Đối với $A = 9^2 \cdot 15^2$ ta thấy ước của 9 là 3, ước của 15 là 3 và 5

Giải

Ta có thể phân tích các số A, B ra thừa số nguyên tố như sau:

$$\begin{aligned} A &= 4^2 \cdot 6^3 = 4 \cdot 4 \cdot 6 \cdot 6 \cdot 6 = 2^2 \cdot 2^2 \cdot 2 \cdot 3 \cdot 2 \cdot 3 \cdot 2 \cdot 3 \\ &= (2^2 \cdot 2^2 \cdot 2^1 \cdot 2^1 \cdot 2^1) \cdot (3^1 \cdot 3^1 \cdot 3^1) \\ &= 2^{2+2+1+1+1} \cdot 3^{1+1+1} \\ &= 2^7 \cdot 3^3 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} B &= 9^2 \cdot 15^2 = 9 \cdot 9 \cdot 15 \cdot 15 = 3^2 \cdot 3^2 \cdot 3 \cdot 5 \cdot 3 \cdot 5 \\ &= (3^2 \cdot 3^2 \cdot 3^1 \cdot 3^1) \cdot (5^1 \cdot 5^1) \\ &= 3^{2+2+1+1} \cdot 5^{1+1} \\ &= 3^6 \cdot 5^2 \end{aligned}$$

-/-

Vậy là trên đây Đọc tài liệu đã hướng dẫn các em hoàn thiện phần giải bài tập SGK Toán 6 Kết nối tri thức: Bài 2.26 trang 43 SGK Toán 6 Tập 1. Chúc các em học tốt.